

Bài Tập 1:

Điền nơi làm việc tương ứng.

1. Actor - ____
2. Animal hospital - ____
3. Bus driver - ____
4. Chef - ____
5. Farmer - ____
6. Hairdresser - ____
7. Lab scientist - ____
8. Office worker - ____

9. Photographer - ____

10. Police officer - ____

11. Sailor - ____

12. Yoga teacher - ____

Bài Tập 2: Hoàn Thành Câu với Nghề

Nghịệp và Nơi Làm Việc

Điền vào chỗ trống với nghề nghiệp và nơi làm việc thích hợp.

1. My mother is a _____. She works
in a _____.

◦ Ví dụ: *My mother is a chef. She works
in a restaurant.*

2. My father is a _____. He works
on a _____.

3. Sarah wants to be a _____. She
wants to work in a _____.

4. Tom is a _____. He works in a
_____.

5. They are _____. They work on a
_____.

6. Anna is a _____. She works in a
_____.

Bài Tập 3: Đúng hay Sai?

Xác định câu sau đúng hay sai. Nếu sai, hãy sửa lại cho đúng.

1. A bus driver works in a police station.

()

2. A sailor works on a ship. (___)
 3. A chef works in a lab. (___)
 4. A lab scientist works in a restaurant.
(___)
 5. An actor works in a theater. (___)
-

Bài Tập 4: Trả Lời Câu Hỏi

Dựa vào thông tin từ vựng đã học, trả lời câu hỏi sau:

1. Where does a photographer work?

- Đáp án: A photographer works in a studio.
2. Where does a police officer work?
 3. What does a lab scientist do?
 4. What does a bus driver drive?
 5. Where does a hairdresser work?
-
-